

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 429/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Hữu T - sinh năm 1976

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết L - sinh năm 1982

Cùng nơi cư trú: Khu phố A, phường M, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017.

XÉT THẤY

Ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Tuyết L đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường M, Tp P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011 quyền số 01/2011 ngày 09/4/2011. Nay ông T, bà L xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Tuyết L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Tuyết L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Trần Ngọc Mai Thư, sinh ngày 29/7/2014. Ông bà thoả thuận giao cháu Thư cho ông Trần Hữu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Hữu T chưa yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Hữu T và bà Nguyễn Thị Tuyết L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn. Bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Ông Trần Hữu T tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 02/8/2017 ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0013662 tại Chi cục thi hành án thành phố P, nay chuyển 150.000 đồng thành án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, hoàn lại cho ông T 150.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

VŨ THỊ THANH HÒA